

MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY: NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ

TRƯƠNG BÁ THANH^(*)
BÙI QUANG BÌNH^(**)

Mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam từ đổi mới đến nay là một cơ chế hỗn hợp giữa thị trường và Nhà nước trong huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực. Trong suốt gần ba thập niên qua, chúng ta đã đổi mới cách thức vận hành nền kinh tế từ mô hình cũ nặng về tập trung quan liêu sang mô hình mới và đã đạt được những thành tựu không nhỏ. Song bên cạnh rất nhiều thành tựu đó là không ít những hạn chế, khiếm khuyết đòi hỏi các định hướng đúng đắn hơn trong thời gian tới.

I. Những thành tựu

1. Về tổng thể

So với trước đây, mô hình tăng trưởng kinh tế ở nước ta từ đổi mới đến nay đã được đổi mới về cơ bản với cách thức vận hành, những động lực, cấu trúc mới. Với mô hình này, chúng ta đã và đang mở cửa hội nhập hơn, từng bước hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá.

Mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam từ đổi mới đến nay được vận hành khá tốt theo cơ chế thị trường có kiểm soát đã thúc đẩy GDP tăng trưởng liên tục và duy trì dài hạn, đưa Việt Nam trở

thành nước có thu nhập trung bình thấp trong nhóm các nước đang phát triển. Động lực của tăng trưởng được tạo bởi các động lực bộ phận cho phép khai thác tốt tiềm năng của các thành phần kinh tế, từng bước chuyển dần theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Cấu trúc kinh tế dịch chuyển tích cực, hiện đại và phù hợp với xu thế chung, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng sản lượng của nền kinh tế liên tục trong những năm qua. Kinh tế vĩ mô liên tục được duy trì ổn định hơn trên cơ sở tăng trưởng GDP và việc làm, lạm phát nhìn chung được kiểm soát. Các chính sách vĩ mô như tiền tệ, tài khóa và thương mại... đã trở thành yếu tố công cụ trong cơ chế vận hành mô hình tăng trưởng kinh tế và được sử dụng để kích thích tăng trưởng kinh tế, bình ổn kinh tế vĩ mô.

Không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, mô hình tăng trưởng

(*) GS.TS., Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

(**) PGS.TS., Trưởng khoa Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

kinh tế ở Việt Nam thời gian qua còn tạo được cơ chế phân bổ và phân phối sản lượng tương đối phù hợp với trình độ phát triển, góp phần cải thiện và tạo bước tiến đáng kể về phát triển xã hội trên nhiều khía cạnh như: Thu nhập và mức sống cho các tầng lớp dân cư đã tăng lên và được cải thiện đáng kể, công tác xóa đói giảm nghèo khá bền vững; Chỉ số phát triển con người Việt Nam được nâng cao; Các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe được cải thiện; Sự nghiệp giáo dục được đầu tư đáng kể, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Việc làm được tạo ra gần tương đương với tốc độ tăng của nguồn lao động, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống khá thấp.

2. Thành công về cách thức huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

Gần ba thập niên qua, chúng ta đã huy động, phân bổ, khai thác, sử dụng nguồn lực vốn một cách tích cực, vừa đẩy mạnh công nghiệp hoá, vừa đóng góp chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế. Theo đó, đã hình thành được cơ chế vận hành thông suốt và hiệu quả, huy động nguồn lực tạo tích lũy vốn con người ngày càng tăng, yếu tố nội lực được kết hợp với ngoại lực. Việc phân bổ vốn vào các khu vực, vùng, thành phần kinh tế khá hiệu quả.

Nguồn lực lao động dồi dào đã được phát huy và trở thành nhân tố kết nối, khai thác và phát huy các nguồn lực khác cho tăng trưởng kinh tế. Cơ chế vận hành trong huy động, phân bổ và sử dụng lao động được thị trường hoá. Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên đã thực sự trở thành nguồn vốn tích lũy cho công nghiệp hoá và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với mức huy động rất lớn. Tài nguyên được tập trung quản lý,

khai thác và sử dụng phù hợp với điều kiện của từng thời kỳ phát triển. Cơ chế huy động và khai thác nguồn tài nguyên cho tăng trưởng kinh tế đã có những thay đổi theo chiều hướng ngày càng tích cực hơn.

Thể chế kinh tế từng bước được hoàn thiện. Nhận thức về vai trò của thể chế đã có những chuyển biến nhất định và những thay đổi hoàn thiện hơn. Mặt bằng về thể chế được nâng lên. Sự ổn định chính trị của đất nước là nền tảng vững chắc cho việc thiết lập các thể chế kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật ngày càng hiện đại và thể hiện rõ nền tảng của sự phát triển, đã huy động được nhiều nguồn lực để phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phân bổ rộng khắp cả nước bảo đảm cho huy động và phân bổ năng lực sản xuất, giảm chi phí và cải thiện chất lượng dịch vụ cho nền kinh tế. Đó là những minh chứng cho sự đóng góp lớn của cơ sở hạ tầng vào tăng trưởng kinh tế.

Tiềm lực khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ và dần từng bước trở thành động lực chính cho tăng trưởng kinh tế. Chúng ta đã hình thành được thị trường khoa học - công nghệ. Hệ thống pháp luật về khoa học công nghệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ đang được xây dựng và hoàn thiện. Đồng thời tiềm năng nguồn lực khoa học - công nghệ cũng đã được huy động và phát huy phần nào vào phục vụ tăng trưởng kinh tế.

3. Thành công trong cách thức phân bổ kết quả để duy trì tái sản xuất mở rộng

Tiêu dùng của hộ gia đình ngày càng tăng về tuyệt đối cũng như tỷ

trọng trong tiêu dùng của nền kinh tế, trở thành nhân tố chi phối tổng cầu và thúc đẩy tăng trưởng GDP. Tiêu dùng biên có xu hướng tăng, làm nổi bật hơn vai trò của tăng trưởng tiêu dùng của thị trường nội địa đối với thúc đẩy tăng trưởng GDP. Tuy khoảng cách giàu nghèo chưa được xoá bỏ, nhưng cuộc sống cho nhóm thu nhập thấp đã được cải thiện đáng kể.

Trong mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam từ đổi mới đến nay, đầu tư đã trở thành cơ sở tăng trưởng kinh tế kéo theo sự tăng nhanh cầu hàng hóa đầu tư, tạo nên tăng cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực sản xuất của nền kinh tế. Cơ chế thị trường đã thể hiện rõ trong mối quan hệ giữa thị trường hàng hóa và thị trường vốn.

Cơ chế vận hành của mô hình tăng trưởng kinh tế đã được bổ sung bởi cách thức chi tiêu ngân sách của chính phủ nói chung và mua hàng hoá, dịch vụ nói riêng. Khoản mục chi tiêu này đã thực sự trở thành công cụ hữu hiệu trong điều chỉnh nền kinh tế và kích thích tăng trưởng GDP. Về chi tiêu mua hàng hoá, dịch vụ của Chính phủ, khoản mục này về giá trị tuyệt đối tăng đều qua các năm, bảo đảm cho hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và hệ thống chính trị. Quan trọng hơn là chính khoản chi này đã góp phần kích thích tăng trưởng kinh tế. Về thâm hụt ngân sách, thực tế trong những năm qua, mức thâm hụt ngân sách chính phủ của Việt Nam trong giới hạn khoảng 5% GDP/năm như yêu cầu Quốc hội đề ra, nợ công trong phạm vi kiểm soát.

Nền kinh tế đã vận hành theo cơ chế thị trường rõ nét hơn, hội nhập và mở cửa sâu rộng hơn, đóng góp lớn vào

tích lũy vốn cho công nghiệp hoá và thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng trong nước. Quy mô xuất khẩu và nhập khẩu tăng nhanh hơn tăng trưởng kinh tế và hiện đạt trên 70% GDP. Cơ chế thị trường cũng giúp tăng tích lũy vốn sản xuất, tăng thêm năng lực sản xuất của nền kinh tế. Đồng thời, cho phép phát huy những lợi thế của Việt Nam về tài nguyên, lao động, tạo ra nguồn ngoại tệ to lớn, tạo điều kiện cho doanh nhân trong nước tiếp cận với những thị trường mới. Cấu trúc hàng hóa xuất nhập khẩu đã có những thay đổi tích cực hơn, thể hiện nền sản xuất đang chuyển dần theo chiều sâu. Sự tác động qua lại giữa thị trường hàng hóa thể hiện ở cán cân thương mại và thị trường vốn vay ngày càng rõ nét trong cơ chế vận hành chung.

II. Những hạn chế

1. Về tổng thể

Mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam những năm qua đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết trong cơ chế vận hành của nó mà nghiêm trọng nhất là trực tiếp, thiếu linh hoạt và hiệu quả trong sự kết hợp giữa tổng cung và tổng cầu, khiến sản lượng luôn thấp hơn tiềm năng, không phát huy được hết các động lực. Bên cạnh đó còn chứa đựng không ít bất ổn và nhiều vấn đề xã hội chưa được giải quyết.

Tăng trưởng sản lượng thấp hơn tiềm năng, tính ổn định chưa cao trước những biến động kinh tế cả trong và ngoài nước. Tăng trưởng kinh tế ở nước ta dựa quá nhiều vào đầu tư, khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ, quá coi trọng vai trò của khu vực kinh tế nhà nước vốn kém hiệu quả, trong khi lại chưa quan tâm đúng mức đến các động

lực khác của nền kinh tế như khoa học - công nghệ, sức cầu thị trường trong nước... Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa quá nhiều vào cấu trúc kinh tế thiên lệch về nguồn lực cho công nghiệp, dịch vụ, chưa chú trọng và đầu tư thích đáng cho nông nghiệp, nông thôn. Điều đó đã tạo ra sự mất cân bằng và tiềm tàng bất ổn kinh tế xã hội.

Những nhân tố gây bất ổn cho kinh tế vĩ mô luôn tiềm ẩn do đầu tư quá cao so với khả năng tiết kiệm của nền kinh tế, thâm hụt ngân sách liên tục kéo dài càng khiến vay nợ đầu tư và thâm hụt tăng. Các chính sách vẫn chưa thực sự hiệu quả. Vấn đề bình ổn kinh tế vĩ mô vẫn luôn là thách thức.

Bên cạnh đó, nhiều vấn đề xã hội vẫn tồn tại dai dẳng, chưa được giải quyết. Tình trạng bất bình đẳng, chênh lệch giàu nghèo, chênh lệch vùng miền, khu vực chưa được rút ngắn, tốc độ giảm nghèo còn chậm. Hệ thống cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục chưa đáp ứng kịp với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu. Vấn đề việc làm vẫn còn là thách thức lớn.

2. Những hạn chế trong cách thức huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

Cơ chế vận hành mô hình tăng trưởng kinh tế quá thiên về vốn nhưng kém hiệu quả, không thúc đẩy được tiềm lực của các nhân tố chiều sâu. Đó chính là trở lực cho cả công nghiệp hoá và tăng trưởng trong thời gian tới. Điều đó thể hiện trước hết ở chế độ vận hành và quản lý hệ thống tài chính còn nhiều điểm yếu. Huy động đầu tư quá cao so với khả năng tiết kiệm của nền kinh tế đã phần nào gây hiệu ứng lấn át tác động từ tiêu dùng. Nguồn vốn nhà nước đang được huy động quá nhiều, trong

khi chưa khơi thông và phát huy hết tiềm năng vốn trong nhân dân và các thành phần kinh tế khác. Hiệu quả đầu tư vào vốn sản xuất và vốn con người trong nền kinh tế đều thấp và ngày càng giảm, nhất là ở khu vực nhà nước. Việc quản lý khu vực đầu tư nước ngoài chưa tốt, còn nhiều "kẽ hở", gây nên tình trạng trốn thuế ở nhiều nơi.

Cách thức vận hành mô hình tăng trưởng kinh tế đã không phát huy đúng vị trí trung tâm của nguồn lực con người, khiến tăng trưởng trở nên kém bền vững. Cơ chế đào tạo, sử dụng lao động của chúng ta chưa hợp lý, chỉ tập trung khai thác, ít chú trọng phát triển nên đa phần lao động chưa được đào tạo, tỷ lệ lao động có chuyên môn sâu rất ít. Cơ chế đãi ngộ còn chưa thoả đáng, dẫn đến chưa huy động được lao động chất lượng cao cả trong và ngoài nước. Năng lực của đội ngũ lao động chưa có sự thay đổi theo kịp và thích hợp với yêu cầu của nền sản xuất công nghiệp. Cơ chế phân bổ còn mang tính tự phát, thiếu sự điều chỉnh chủ động nên cơ cấu lao động chưa thực sự hợp lý, dẫn đến năng suất lao động chưa tương xứng với tiềm năng, chuyển dịch lao động từ các ngành có năng suất thấp sang ngành có năng suất cao còn chậm. Năng suất lao động của Việt Nam vẫn thấp hơn nhiều so với hầu hết các nước trong khu vực. Ngoài ra còn có sự chênh lệch lớn về năng suất lao động giữa các thành phần kinh tế.

Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa quá nhiều vào nguồn tài nguyên thiên nhiên đang để lại nhiều vấn đề và là thách thức lớn cho tương lai. Việc khai thác nguồn tài nguyên ở nước ta thời gian qua còn khá lãng phí, kém hiệu

quả. Tăng trưởng quá phụ thuộc vào nguồn lực tài nguyên. Điều này dẫn tới những thách thức lớn cho việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu. Xu hướng thay đổi cách thức khai thác, sử dụng tài nguyên quá chậm so với tốc độ khai thác tài nguyên. Tư duy ỷ lại vào tiềm năng tài nguyên thiên nhiên còn khá nặng. Chính điều đó đã khiến chúng ta không huy động, phân bổ và khai thác có hiệu quả nguồn lực này vào tăng trưởng kinh tế dài hạn.

Thể chế chậm thay đổi, không theo kịp quá trình tăng trưởng, cùng với đó là sự tồn tại hiện tượng “độc quyền hành chính” đang là thách thức lớn. Hệ thống pháp luật kinh tế vẫn chưa đầy đủ, chất lượng soạn thảo, xây dựng và thông qua các văn bản pháp luật chưa cao đã làm giảm tính hiệu lực và hiệu quả của việc thực thi pháp luật kinh tế. Thể chế kinh tế chậm đổi mới, các loại thị trường chậm hình thành và phát triển chưa đồng bộ, thiếu những nhân tố thúc đẩy tích cực. Nguyên tắc thị trường chưa được coi trọng đúng mức. Thể chế phân bổ có sự khác biệt giữa các địa phương đã cản trở quá trình huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực khác cũng như khiến việc phân phối kết quả trở nên thiếu công bằng.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở nước ta chưa hiện đại, đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá và tăng trưởng kinh tế. Tư duy phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa theo kịp với yêu cầu phát triển, chưa phù hợp với cơ chế thị trường và những thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế. Chúng ta chưa có cơ chế, chính sách thích hợp để huy động, phát huy tiềm năng của các nguồn lực, nhất là đất đai,

cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, vẫn chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước. Các khu công nghiệp, khu kinh tế quá dư thừa diện tích gây lãng phí, kém hiệu quả. Chúng ta cũng còn thiếu một chiến lược phân bổ hợp lý theo cả thời gian, không gian và đối tượng nên chi phí đầu tư còn cao, hiệu quả thấp. Tất cả những yếu tố đó khiến cho hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Việt Nam vẫn trong tình trạng yếu kém, lạc hậu, thiếu đồng bộ, kém tính kết nối, đang là điểm nghẽn của quá trình phát triển.

Trong mô hình tăng trưởng kinh tế, khoa học - công nghệ chưa được phát huy trở thành nền tảng cho tăng trưởng chiều sâu. Cơ chế vận hành và quản lý hoạt động khoa học - công nghệ còn nhiều điểm yếu. Vì vậy, chúng ta chưa huy động được các nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ. Nhận thức về nguồn nhân lực, vốn con người còn chưa đầy đủ, dẫn đến chúng ta chưa có được chiến lược đúng đắn để phát triển vốn con người.

3. Những hạn chế trong cách thức phân bổ kết quả

Cơ chế phân bổ kết quả mà chúng ta thực hiện thời gian qua chưa thúc đẩy được tiêu dùng trong nước, bị kìm hãm bởi cơ chế chi tiêu ngân sách ngày càng thâm hụt. Đầu tư tăng quá nhanh. Cộng với đó là chịu sự tác động ngày càng lớn của kinh tế thế giới.

Mức tiêu dùng tuy có tăng nhưng tiêu dùng cá nhân ở nước ta còn thấp so với các nước trong khu vực và đang có sự phân hóa mạnh mẽ. Những thay đổi về cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh để biến tiêu dùng cá nhân thành động lực thúc đẩy tăng trưởng GDP.

Hàng hóa đầu tư tuy đã đóng góp cho tăng trưởng kinh tế nhưng những năm qua đã tăng quá nhanh so với năng lực sản xuất của nền kinh tế, khiến cán cân thương mại thâm hụt kéo dài, tiềm ẩn nguy cơ gây bất ổn vĩ mô. Hàng hóa đầu tư của khu vực công có tỷ trọng khá cao, nhưng cấu trúc thiên về nguồn cung từ nước ngoài đã hạn chế tác động của nhân tố này trong kích thích trực tiếp tăng trưởng GDP.

Cấu trúc chi tiêu ngân sách đang cao hơn nguồn thu và thâm hụt, việc xử lý thâm hụt quá nhiều bất cập. Biểu hiện trước hết ở tỷ trọng chi tiêu mua hàng hoá, dịch vụ ngày càng giảm trong chi ngân sách của Chính phủ. Điều này không chỉ hạn chế tổng cầu, mà về lâu dài bội chi ngân sách càng lớn kéo theo hạn chế chi tiêu mua hàng hoá, dịch vụ sẽ là trở ngại cho tăng trưởng dài hạn. Sự thiếu hụt ngân sách do nhu cầu vốn tài trợ cho sự phát triển kinh tế quá lớn đòi hỏi phải đi vay để bù đắp. Chưa chú trọng mối quan hệ giữa chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên.

Sự phụ thuộc của nền kinh tế nước ta vào kinh tế thế giới, cả đầu vào lẫn đầu ra, ngày càng lớn. Tình hình biến động của kinh tế thế giới tác động ngày càng mạnh mẽ đến kinh tế trong nước. Những tác động từ các chính sách như tài khóa và tiền tệ tới thâm hụt thương mại ở nước ta suốt những năm qua ngày càng mạnh.

* * *

Từ những thành tựu và hạn chế đó, có thể thấy mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập hiện nay phải quán triệt quan điểm xuyên suốt, đó là bảo đảm tăng

trưởng GDP tương xứng với tiềm năng của nền kinh tế. Để có thể bảo đảm thực hiện được quan điểm này, theo chúng tôi, trước hết cần duy trì tăng trưởng GDP ổn định dài hạn tương xứng với năng lực sản xuất. Đồng thời, hoàn thiện thể chế kinh tế bảo đảm cho vận hành mô hình tăng trưởng kinh tế và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô dài hạn. Bên cạnh đó, cần bảo đảm không ngừng mở rộng năng lực sản xuất theo hướng hiện đại phù hợp với điều kiện của đất nước và bối cảnh quốc tế. Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước để phân bổ và sử dụng theo hướng cấu trúc lại nền kinh tế và tạo ra những động lực mới của nền kinh tế, nhất là phát huy nhân tố con người. Cần kích thích tiêu dùng nội địa, cải thiện cán cân thương mại và mở rộng thị trường quốc tế. Bội chi ngân sách cần được duy trì trong ngưỡng cho phép và giảm nợ công. Ngoài ra, phải phát triển hệ thống chính sách an sinh xã hội tương xứng với đà tăng trưởng kinh tế.

Mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam thời gian tới được xác định vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước hiện đại, tạo ra sự tương tác linh hoạt và hiệu quả giữa cách thức huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực trong nước và bên ngoài, tạo ra năng lực sản xuất ngày càng lớn và có chiều sâu, hiệu quả. Cơ chế phối hợp lý, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Thúc đẩy tăng tổng cầu trên thị trường trong và ngoài nước để đạt tăng trưởng GDP tương xứng với tiềm năng của nền kinh tế. Để đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam những năm tới, thiết nghĩ cần có một lộ trình thích hợp. Giai đoạn đầu cần hình thành sự tương tác linh

hoạt và hiệu quả giữa cách thức tạo ra năng lực sản xuất với sự kết hợp của các nhân tố chiều rộng và chiều sâu một cách hiệu quả, đồng thời phải tạo được cách thức phân phối tương xứng với nó.

Với định hướng đó, theo chúng tôi, cần thực hiện một số nhóm giải pháp nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập của nước ta trong thời gian tới, bao gồm: Một là, nhóm giải pháp đổi mới cách thức quản lý nền kinh tế; Hai là, nhóm giải pháp tạo và duy trì năng lực sản xuất có chiều sâu, hiệu quả và sức cạnh tranh cao; Ba là, nhóm giải pháp vận hành thúc đẩy tổng cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Quang Bình (2013), “Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế - Chính trị thế giới*, số 1(201), tr.72-80.
2. Bùi Quang Bình (2014), “Mô hình tăng trưởng kinh tế và việc thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 200, tháng 2, tr.25-37.
3. Bùi Quang Bình (2014), “Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ*, số tháng 4.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hà Đăng (2005), *Đổi mới bắt đầu từ đâu?*, <http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/tintucsukien/item/4125702.html>
6. Lê Quang Phi (2008), *Đổi mới tư duy của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta*, http://nxbctqg.org.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=903:i-mi-t-duy-ca-ng-vcong-nghip-hoa-hin-i-hoa-nc-ta&catid=108:cac-an-pham-khac&Itemid=501
7. <http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ThongTinTongHop/noidungvankien-daihoidang?categoryId=10000716&articleId=10038382>